

Phật giáo Ấn Độ: Lịch sử hình thành, phân phái và sự suy tàn

ISSN: 2734-9195 16:42 27/06/2025

Dù Phật giáo không còn giữ vai trò trung tâm tại Ấn Độ như thuở ban đầu, nhưng những giá trị, từ tinh thần từ bi, trí tuệ, đến mô hình tổ chức tăng đoàn và di sản văn hóa, vẫn ảnh hưởng sâu sắc đến các quốc gia châu Á cho đến ngày nay...

Phật giáo, do **Tất-đạt-đa** Cồ-đàm (Siddhartha Gautama) sáng lập vào thế kỷ VI trước Công nguyên, là một tôn giáo toàn cầu có cội rễ từ Ấn Độ cổ đại.

Phật giáo hướng đến việc lý giải bản chất khổ đau, sự hiện hữu và con đường giải thoát giác ngộ.



Phật giáo ra đời và phát triển tại Ấn Độ

Phật giáo xuất hiện vào thế kỷ VI TCN trên vùng đồng bằng sông Hằng, một thời kỳ chứng kiến làn sóng đô thị hóa lần thứ hai và những biến đổi xã hội sâu sắc tại Ấn Độ.

Giáo lý của đức Phật nhanh chóng lan rộng nhờ đánh trúng tâm lý bất mãn với nghi lễ Vệ Đà và hệ thống đẳng cấp đang chi phối xã hội lúc bấy giờ.

Phật giáo được các tầng lớp thương nhân, thợ thủ công hậu thuẫn mạnh mẽ cả về vật chất lẫn niềm tin, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành các tăng đoàn và cơ sở thờ tự. Dưới triều đại nhà Maurya, đặc biệt là vua A Dục (Ashoka), Phật giáo không chỉ phát triển khắp Ấn Độ mà còn lan tỏa ra ngoài biên giới.

Tuy nhiên, theo thời gian, những tranh luận giáo lý trong nội bộ Phật giáo đã dẫn đến sự phân hóa thành nhiều tông phái lớn như Theravāda (Thượng tọa bộ) và Mahāyāna (Đại thừa), thời kỳ sau khi đức Phật nhập diệt.

Sự suy tàn của Phật giáo tại Ấn Độ

Từ thời vương triều Gupta, Phật giáo bắt đầu bước vào thời kỳ suy thoái. Nguyên nhân đến từ nhiều yếu tố xã hội và chính trị như sự phục hưng của Bà-la-môn giáo, các cuộc xâm lăng từ phương Bắc, cũng như sự giảm sút của sự bảo trợ hoàng gia.

Đến thế kỷ XII CN, Phật giáo gần như biến mất khỏi chính quê hương của mình, dù vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ tại các quốc gia châu Á khác như Sri Lanka, Miến Điện, Thái Lan, Trung Quốc, Tây Tạng và Việt Nam.

Các tông phái Phật giáo: Sự hình thành và đặc điểm

Sau khi đức Phật nhập diệt, các đệ tử của Ngài có nhiều cách hiểu khác nhau về giáo lý, từ đó dẫn đến phân hóa giáo đoàn và hình thành các tông phái khác biệt.



Cuộc chia rẽ đầu tiên xảy ra tại kỳ kết tập kinh điển lần thứ hai ở Tỳ-xá-ly (Vaishali) vào khoảng năm 383 TCN. Lúc này, tăng đoàn chia thành hai nhóm lớn:

+ *Sthaviravāda* (Thượng tọa bộ): Tuân thủ nghiêm ngặt giới luật và kỷ cương tăng đoàn.

+ *Mahāsaṅghika* (Đại chúng bộ): Chủ trương nói lỏng các quy tắc tu tập.

Đến thế kỷ I CN, sau kỳ kết tập lần thứ tư dưới thời vua Kanishka, Phật giáo Đại thừa (Mahāyāna) chính thức hình thành và tách biệt rõ rệt với Tiểu thừa (Hinayana).

Tín đồ Đại thừa tôn thờ hình tượng Phật như các đấng thiêng liêng có năng lực siêu việt, trái ngược với quan điểm phi thần luận của các trường phái Tiểu thừa. Đến thế kỷ VII, Kim cang thừa (Vajrayāna) xuất hiện như một nhánh đặc biệt mang tính Mật tông trong lòng Đại thừa.

Trong quá trình lan truyền qua các tuyến thương mại, Phật giáo dần dung hợp với văn hóa bản địa, tạo nên các biến thể như Phật giáo Tây Tạng, Phật giáo Trung Hoa, Thiền Tông Nhật Bản...

Dù hình thức thực hành có khác biệt, tất cả các tông phái đều lấy Tứ diệu đế, Bát chính đạo và vô ngã làm cốt lõi chung. Những khác biệt chủ yếu đến từ cách diễn giải và hành trì, không phải từ nguyên lý nền tảng.

Các tông phái và đặc điểm chính

Hinayana (Tiểu thừa)/Theravāda (Thượng tọa bộ)

+ Theravāda nghĩa là “Giáo pháp của các bậc trưởng lão”.

+ Nhấn mạnh sự giải thoát cá nhân thông qua nỗ lực tự thân, thiền định và thực hành theo các lời dạy ban đầu của đức Phật trong Kinh tạng Pāli.

+ Chỉ công nhận một vị Phật lịch sử là Thích-ca Mâu-ni.

+ Được vua A Dục tích cực truyền bá tại Ấn Độ và sang các nước lân cận từ thế kỷ III TCN.

+ Khởi nguồn từ trường phái Vibhajjavāda, Theravāda duy trì trọng tâm vào giới luật, Tứ diệu đế, Bát chính đạo, Tam tướng (vô thường, khổ, vô ngã), nghiệp,

luân hồi và các thực hành như thiền chỉ (jhāna) và thiền quán (vipassanā).

+ Hiện nay, Theravāda là truyền thống chính thống ở Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan, Lào và Campuchia.

+ Tăng đoàn và mối quan hệ mật thiết với cư sĩ là những đặc trưng nổi bật của xã hội Theravāda.

+ Hình ảnh lý tưởng là A-la-hán, người đạt Niết-bàn nhờ tu hành nghiêm mật.

*** Các phân phái trong truyền thống sơ kỳ:**

+ Sarvāstivāda: Tin rằng các pháp tồn tại trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Ảnh hưởng lớn ở Tây Bắc Ấn Độ và Trung Á.

+ Vaibhāṣika: Nhánh sau của Sarvāstivāda, chuyên giải thích triết lý A-tì-đàm. Văn bản chính: Abhidharmakośa (Vasubandhu), Milinda Pañha (đối thoại giữa Na-tiên và vua Di-lan-đà).

+ Sautrāntika: Phái tách ra từ Sarvāstivāda, dựa trên Kinh tạng hơn là A-tì-đàm. Chống lại chủ nghĩa hiện thực ngây thơ của Vaibhāṣika. Tác giả tiêu biểu: Kumāralāta, Yasomitra, Harivarman.

+ Sthaviravāda: Hình thái gốc của Theravāda, nhấn mạnh Tứ diệu đế và lý tưởng A-la-hán. Từng phát triển mạnh ở Nam Ấn và Tích Lan.

+ Vibhajjavāda: Nhánh phát triển từ Sthaviravāda, là nguồn gốc của Theravāda hiện đại. Biên soạn Kinh tạng Pāli.

+ Sammitīya: Phái sơ kỳ phân biệt giáo lý quyết định và giáo lý phương tiện. Mất dần ảnh hưởng vào thời trung đại.

Phật giáo Đại thừa (Mahāyāna - Cỗ xe lớn)

Đại thừa xuất hiện vào khoảng thế kỷ I TCN, trong kỳ kết tập kinh điển lần thứ tư. Trường phái này nhấn mạnh lý tưởng Bồ-tát, những bậc đã giác ngộ nhưng nguyện hoãn thành Phật để quay lại giúp đỡ chúng sinh.

Vua Harshavardhana triều đại Gupta là một trong những vị quân vương nổi bật ủng hộ Đại thừa, đã cho dựng chùa chiền và khuyến khích dịch kinh điển sang tiếng Phạn (Sanskrit).

Từ vùng Kashmir, Phật giáo Đại thừa theo các tuyến giao thương Con đường Tơ lụa, lan tới Trung Á, Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam.

So với Theravāda, Đại thừa có tính chất cởi mở, bao dung, phù hợp cả với hàng cư sĩ, không chỉ tăng sĩ. Một số tư tưởng then chốt của Đại thừa gồm:

- + Bồ-tát: người phát nguyện cứu độ chúng sinh, hoãn việc nhập Niết-bàn.
- + Phật tính (Buddha-nature): cho rằng tất cả chúng sinh đều có khả năng giác ngộ.
- + Kinh Pháp Hoa và Tâm Kinh Bát-nhã: nhấn mạnh trí tuệ và từ bi làm cốt lõi con đường tu hành.

Các nhánh chính trong Đại thừa:

* Trung quán tông (Madhyamaka):

- + Dựa trên giáo lý “trung đạo” (madhyama pratipad) nổi tiếng của đức Phật.
- + Còn gọi là Không tông (Śūnyavāda), do Long Thọ (Nāgārjuna) hệ thống hóa.
- + Tác phẩm tiêu biểu: Mūla-Madhyamika-Kārikā, biện luận về tính không của mọi pháp.

* Duy thức tông (Yogācāra/Vijñānavāda):

- + Trường phái duy tâm duy nhất của Phật giáo và triết học Ấn Độ.
- + Tập trung phân tích tâm thức và nhận thức, đối lập với chủ nghĩa hư vô của Không tông.
- + Không chỉ thiên về duy tâm mà còn mang đặc tính tuyệt đối luận (absolutism).

Đại thừa với lý tưởng giải thoát phổ quát đã chạm đến đông đảo quần chúng, trở thành dòng Phật giáo phổ biến nhất tại các quốc gia Đông Á. Hình tượng điêu khắc của đức Phật và các Bồ-tát như Quán Thế Âm là biểu tượng sinh động cho tinh thần Đại thừa.

Thiền Tông (Zen)

- + Là một chi phái của Đại thừa, nhấn mạnh trực nhận giác ngộ qua hành thiền.
- + Có nguồn gốc từ Thiền (Chan) tại Trung Hoa, Săn ở Hàn Quốc và phát triển sâu rộng nhất tại Nhật Bản dưới tên gọi Zen.
- + Thiền Tông không chú trọng kinh sách mà hướng tới trực ngộ bản tâm, thường thông qua thực hành tọa thiền, công án và đời sống tỉnh thức.

Kim cang thừa (Vajrayāna - Cổ xe kim cang)

- + Là nhánh Mật tông của Đại thừa, xuất hiện vào khoảng thế kỷ VII tại Ấn Độ.
- + Đặc trưng bởi việc sử dụng nghi lễ, thần chú (mantra), hình tượng (mandala) và thiền định mật pháp để đạt giác ngộ trong một đời này.
- + Phát triển mạnh tại Tây Tạng, Bhutan, Nepal và vùng Mông Cổ.

Tân Phật giáo (Navayāna)

- + Là phong trào Phật giáo hiện đại, ra đời tại Ấn Độ vào cuối thế kỷ XX.
- + Mang tính cải cách, tập trung diễn giải Phật giáo theo hướng bình đẳng, công bằng xã hội, nhất là trong bối cảnh đối kháng chế độ đẳng cấp.
- + Tân Phật giáo được thúc đẩy bởi Tiến sĩ B.R. Ambedkar, người chủ trương Phật giáo như một con đường giải phóng cho các tầng lớp bị áp bức.

Quá trình truyền bá Phật giáo: Từ Ấn Độ vươn ra thế giới

Ngay từ thời đức Phật còn tại thế, Phật giáo đã được đông đảo người dân tiếp nhận, tiêu biểu như cư dân các vương quốc Ma Kiệt Đà (Magadha), Câu Tát La (Kosala) và Câu Thi Na (Kaushambi). Các cộng đồng Thích Ca (Sakyas), Lịch Trì (Vajjis) và Malla cũng ủng hộ Phật pháp.

Những yếu tố thúc đẩy sự lan tỏa Phật giáo

- + Biến đổi xã hội - kinh tế: Người dân chán ngán hệ thống đẳng cấp và nghi thức Vệ Đà, tìm đến con đường giải thoát bình đẳng, cởi mở hơn.
- + Giáo pháp đức Phật: Lời dạy từ bi, bất bạo động, trách nhiệm cá nhân và trí tuệ sâu sắc dễ dàng tiếp cận trái tim quần chúng.
- + Sự cải đạo của vua chúa, quý tộc: Ví dụ nổi bật là vua A Dục, người đã cử con trai Mahendra và con gái Sanghamitra sang Tích Lan truyền đạo.
- + Hệ thống tự viện - tăng đoàn: Việc thiết lập tăng đoàn khắp nơi đã tạo nên mạng lưới vững chắc để duy trì và giảng pháp.
- + Ngôn ngữ bình dân: Giáo pháp được truyền bá bằng tiếng Pāli thay vì Sanskrit khó tiếp cận như trong Bà-la-môn giáo, giúp người bình dân dễ hiểu, dễ học.

Phật giáo lan truyền ngoài Ấn Độ

Phật giáo Nguyên thủy (Theravāda/Hinayāna)

- + Vua A Dục đã phái các đoàn truyền giáo đến Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, đặt nền móng cho Theravāda tại Đông Nam Á.
- + Các quốc gia này vẫn duy trì Phật giáo Nguyên thủy như tôn giáo chủ đạo cho đến ngày nay.

Phật giáo Đại thừa

- + Hoàng đế Kanishka nhà Kushan bảo trợ Phật giáo Đại thừa, giúp tổ chức kỳ kết tập kinh điển thứ tư tại Kashmir.
- + Phật giáo theo chân các đoàn thương nhân và tăng sĩ dọc theo Con đường Tơ lụa đến Trung Á, Trung Quốc và Đông Á.
- + Nhiều trung tâm Phật giáo lớn hình thành trên tuyến đường này như Kashgar, Khotan, Bamiyan...
- + Tăng sĩ Trung Hoa như Pháp Hiển (Fa-Hien) và Huyền Trang (Xuanzang) sang Ấn Độ thỉnh kinh, rồi trở về truyền bá Đại thừa tại Trung Quốc.
- + Tại đây, Phật giáo giao thoa sâu sắc với tư tưởng Nho giáo và Đạo giáo, tạo nên bản sắc Phật giáo Trung Hoa rất riêng biệt.

Phật giáo lan tỏa khắp châu Á và sự suy tàn tại quê hương Ấn Độ

Phật giáo tại Nhật Bản

Phật giáo đến Nhật Bản vào thế kỷ VI SCN thông qua Trung Quốc và Triều Tiên. Tại đây, các tông phái như Thiền tông và Tịnh độ tông phát triển mạnh, kết hợp với truyền thống văn hóa, tín ngưỡng bản địa, hình thành nên nét riêng biệt của Phật giáo Nhật Bản.

Sự truyền bá của Kim cang thừa (Vajrayāna)

Kim cang thừa phát triển ở Ấn Độ từ thế kỷ VIII và được truyền sang Tây Tạng, nơi tôn giáo bản địa Bon tiếp nhận và dung hòa với Phật giáo.

Các bậc thầy như Atisha Dipankara và Liên Hoa Sinh (Padmasambhava) đóng vai trò trọng yếu trong việc thiết lập nền móng của Mật tông tại Tây Tạng và một số vùng Đông Nam Á.

Phật giáo Tây Tạng là sự kết hợp độc đáo giữa Phật giáo Ấn Độ và tín ngưỡng bản địa, nổi bật với hệ thống lạt-ma tái sinh, đặc biệt là hình ảnh Đức Đạt-lai Lạt-ma, được xem là hóa thân của Bồ-tát Quán Thế Âm (Chenrezig).

Dù Phật giáo gần như mai một tại Ấn Độ, mảnh đất khai sinh, nhưng lại phát triển rực rỡ tại nhiều quốc gia châu Á với ba nhánh lớn:

- + Nguyên thủy (Hinayana) tại Đông Nam Á
- + Đại thừa (Mahayana) tại Đông Á
- + Kim cang thừa (Vajrayana) tại Tây Tạng và vùng Himalaya.

Vai trò của Tăng đoàn (Saṅgha) trong Phật giáo

Đức Phật đã sáng lập Tăng đoàn Phật giáo như một cộng đồng xuất gia, đóng vai trò then chốt trong việc duy trì và truyền bá giáo pháp. Rất nhiều bài pháp thoại của Ngài được giảng tại Xá Vệ (Sāvatthī), trung tâm sinh hoạt lớn thời bấy giờ.

Sự bảo trợ và hỗ trợ từ cư sĩ

Các thương nhân giàu có như Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) đã trở thành những thí chủ lớn, cúng dường tịnh xá và vật dụng cần thiết, tạo điều kiện cho tăng sĩ hành đạo và truyền giáo khắp nơi.

Chính sách mở rộng thành viên

Tăng đoàn đón nhận mọi người từ 15 tuổi trở lên, không phân biệt giai cấp hay giới tính (trừ tội phạm và người mắc bệnh truyền nhiễm). Dưới lời khẩn cầu của Tôn giả A Nan và Di mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề (Mahāpajāpatī Gotamī), đức Phật chấp thuận cho nữ giới xuất gia.

Tăng, ni khi gia nhập phải cạo tóc, mặc y vàng và tuân thủ giới luật.

Thực hành và đời sống tu tập

Tăng sĩ sống bằng hạnh khát thực mỗi ngày, vừa hóa duyên vừa giảng pháp. Trong mùa mưa (an cư), chư Tăng ở lại trú xứ cố định để hành thiền và tu tập chuyên sâu.

Đóng góp giáo dục và xã hội

Tăng đoàn tổ chức giảng dạy cho đại chúng, tạo cơ hội học hỏi cho tầng lớp không thuộc Bà-la-môn, vốn bị tước quyền giáo dục dưới hệ thống Bà-la-môn giáo.

Nguyên tắc điều hành và quản trị

Tăng đoàn hoạt động theo mô hình dân chủ nội bộ, có hệ thống giới luật, chế tài, đảm bảo sự thanh tịnh và kỷ cương trong đời sống tu tập.

Từ đó, Tăng đoàn trở thành một trong những thể chế tôn giáo, xã hội tiên phong thời cổ đại, góp phần làm nên sự lan tỏa của Phật giáo tại Ấn Độ.

Những nguyên nhân chính dẫn đến sự suy tàn của Phật giáo tại Ấn Độ



Hình minh họa tạo bởi AI

Sự suy giảm của Phật giáo tại quê hương không phải là kết quả của một biến cố đơn lẻ mà là tổng hòa của nhiều yếu tố lịch sử, xã hội và văn hóa phức tạp:

Khủng hoảng tư tưởng nội tại

Dù khởi đầu là một tôn giáo chống lại nghi lễ và phân biệt giai cấp, nhưng Phật giáo về sau cũng phát sinh sự phân hóa, nghi lễ hóa, đặc biệt trong các tự viện lớn.

Tăng đoàn đôi khi sa vào việc tích lũy tài sản, địa vị, đi ngược lại tinh thần ban đầu của giáo pháp.

Việc chia tách thành nhiều tông phái, phụ phái khiến cốt lõi triết lý Phật giáo bị phân mảnh, làm mờ nhạt bản sắc riêng so với các tôn giáo khác.

Sự cải cách và hấp thụ của Ấn giáo (Hinduism)

Trong khi Phật giáo suy yếu, Ấn giáo cải cách mạnh mẽ, tiếp thu một số yếu tố Phật giáo như ăn chay, phản đối sát sinh và đặc biệt là xây dựng tu viện (matha) theo mô hình Tăng đoàn.

Các triết gia như Adi Shankara phục hưng Ấn giáo bằng cách phê phán Phật giáo, đồng thời đồng hóa đức Phật như một hóa thân của thần Vishnu, khiến Phật giáo dần bị hòa tan.

Mất đi sự bảo trợ của vương triều

Khi các triều đại như Kushan suy yếu, còn triều đại Gupta lại nghiêng về Ấn giáo, Phật giáo mất đi chỗ dựa chính trị và nguồn lực vật chất. Nhiều tu viện suy sụp, hoang phế.

Hạn chế trong phổ biến kinh điển

Phật giáo thời đầu sử dụng tiếng Pāli, nhưng về sau chuyển sang tiếng Phạn (Sanskrit), vốn chỉ dành cho tầng lớp trí thức, khiến quần chúng khó tiếp cận.

Trong khi đó, Ấn giáo vẫn giữ được truyền thống dùng ngôn ngữ địa phương để truyền bá, giúp tôn giáo này phát triển bền vững hơn.

Ngoại xâm và bạo loạn tôn giáo

Từ thế kỷ XI, các cuộc xâm lược từ phía Tây Bắc Ấn Độ bởi các vương triều Hồi giáo như Hun và Turk (Khilji) đã tàn phá các tự viện, thánh tích, tiêu biểu là sự hủy diệt trung tâm Nalanda.

Hành động bạo lực nhằm vào tăng sĩ và di tích Phật giáo đã giáng đòn chí mạng lên nền Phật giáo Ấn Độ, dẫn đến sự biến mất gần như hoàn toàn của Phật giáo

tại nơi khởi nguồn.

Tạm kết

Phật giáo, từ khởi nguyên là con đường giải thoát khổ đau ở Ấn Độ cổ đại, đã trải qua nhiều biến động, phân phái và biến chuyển. Mặc dù gần như mai một trên chính quê hương, Phật giáo vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ tại các vùng đất khác, nơi giáo lý về từ bi, vô ngã và tuệ giác vẫn lan tỏa và được ứng dụng linh hoạt trong đời sống.

Dù Phật giáo không còn giữ vai trò trung tâm tại Ấn Độ như thuở ban đầu, nhưng những giá trị, từ tinh thần từ bi, trí tuệ, đến mô hình tổ chức tăng đoàn và di sản văn hóa, vẫn ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều quốc gia châu Á cho đến ngày nay và tiếp tục lan tỏa mạnh ra toàn cầu.

Tác giả: **Vajiram Editor**/Chuyển ngữ và biên tập: **Thường Nguyên**

Nguồn: **vajiramandravi.com**